

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ**  
**SÓC TRĂNG**

**MỤC LỤC**

|  | <b>Trang</b>   |
|--|----------------|
| <b>1. Mục lục</b>  | <b>1</b>       |
| <b>2. Báo cáo của Hội đồng quản trị</b>  | <b>2 - 4</b>   |
| <b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>  | <b>5</b>       |
| <b>4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>  | <b>6 - 9</b>   |
| <b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</b> | <b>10</b>      |
| <b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>           | <b>11 - 12</b> |
| <b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>    | <b>13 - 38</b> |
| <b>8. Phụ lục</b>  | <b>39</b>      |

\*\*\*\*\*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

### Khái quát về Công ty

Công ty là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Sóc Trăng thành công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200177456, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 7 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 06 tháng 7 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp.

### Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Điện thoại : 0299 3822354 – 0299 3825900
- Fax : 0299 3822354 – 0299 3825900

### Các đơn vị trực thuộc:

| Tên đơn vị                             | Địa chỉ  |
|--|--|
| Xí nghiệp Môi trường                   | 170 Mạc Đĩnh Chi, khóm 4, phường 9, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  |
| Xí nghiệp Chiếu sáng Công cộng         | 170 Mạc Đĩnh Chi, khóm 4, phường 9, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  |
| Xí nghiệp Công viên Cây xanh           | 442 Bạch Đằng, phường 9, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng             |
| Xí nghiệp Thoát nước                   | 25 Cao Thắng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng              |
| Xí nghiệp Liên hợp xử lý chất thải rắn | xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên và xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng     |
| Ban quản trang An viên Thiên Đường     | ấp Phú Ninh, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng                |
| Cửa hàng Xăng dầu Đô thị               | 170A Mạc Đĩnh Chi, khóm 4, phường 9, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng |

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ vệ sinh môi trường; Chiếu sáng công cộng; Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng công trình đường bộ, hạ tầng kỹ thuật, đô thị, nghĩa trang, nghĩa địa; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; Trồng cây xanh, hoa kiểng; Bán buôn hoa, chậu kiểng và cây xanh; Xử lý rác thải không độc hại và độc hại; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước và xử lý nước thải; Bán buôn xăng, dầu và các sản phẩm liên quan.

### Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng quản trị

| Họ và tên         | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Lâm Hữu Tùng  | Chủ tịch   | Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023 |
| Ông Đào Mạnh Hùng | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023 |
| Ông Hồ Thống Nhất | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023     |
| Ông Đậu Đức Hiến  | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023     |
| Bà Lâm Xuân Mai   | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**  
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

|                     |            |   |
|---------------------|------------|---|
| Ông Trần Quốc Sở    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2017<br>Miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023 |
| Ông Nguyễn Đức Khôi | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2017<br>Miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023 |
| Bà Lê Thị Hòa       | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2017<br>Miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023 |

**Ban Kiểm soát**

| Họ và tên               | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm                                     |
|-------------------------|------------|---|
| Bà Võ Thị Phương Ngân   | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023                                     |
| Bà Huỳnh Thị Thùy Trang | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023                                     |
| Bà Nguyễn Hoàng Lan     | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023   |
| Bà Trần Tuyết Nương     | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2017<br>Miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023 |

**Ban Tổng Giám đốc**

| Họ và tên           | Chức vụ           | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm   |
|---------------------|-------------------|--|
| Ông Đậu Đức Hiền    | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2020  |
| Ông Phùng Thanh Tâm | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2022  |
| Ông Hồ Thống Nhất   | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2023  |
| Bà Đặng Hồng Nghi   | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2023  |
| Ông Nguyễn Đức Khôi | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2018<br>Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2023 |

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên        | Chức vụ                    | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm            |
|------------------|----------------------------|---------------------------------------|
| Ông Lâm Hữu Tùng | Chủ tịch Hội đồng quản trị | Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023 |
| Ông Đậu Đức Hiền | Tổng Giám đốc              | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2020     |

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tập đoàn.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị, *[Handwritten Signature]*



**Lâm Hữu Tùng**  
**Chủ tịch**

Ngày 28 tháng 02 năm 2024

Số: 4.0055/24/TC-AC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2024, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C****Chi nhánh Cần Thơ****Nguyễn Quốc Ngữ****Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3089-2020-008-1

Người được ủy quyền

**Nguyễn Hữu Nghi****Kiểm toán viên**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3132-2020-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 28 tháng 02 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|   |            |             |                        |                        |
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>139.605.574.762</b> | <b>130.522.910.703</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>12.273.715.192</b>  | <b>11.585.228.287</b>  |
| 1. Tiền   | 111        |             | 12.273.715.192         | 11.585.228.287         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | <b>7.900.000.000</b>   | <b>7.900.000.000</b>   |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                      | -                      |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        | V.2         | 7.900.000.000          | 7.900.000.000          |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>81.825.302.419</b>  | <b>72.872.709.038</b>  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.3         | 64.019.692.067         | 54.520.319.294         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.4         | 14.638.090.697         | 14.755.965.086         |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.5a        | 5.240.783.298          | 5.752.688.301          |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.6         | (2.073.263.643)        | (2.156.263.643)        |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>36.469.599.640</b>  | <b>36.765.615.307</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.7         | 36.469.599.640         | 36.765.615.307         |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>1.136.957.511</b>   | <b>1.399.358.071</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.8a        | 1.136.957.511          | 1.327.301.379          |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | -                      | -                      |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        | V.13        | -                      | 72.056.692             |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                      | -                      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|   |            |             |                        |                        |
| <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>54.960.144.386</b>  | <b>62.184.411.193</b>  |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | <b>89.876.700</b>      | -                      |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        | V.5b        | 89.876.700             | -                      |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>49.695.947.251</b>  | <b>56.334.434.397</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.9         | 49.658.169.467         | 56.239.989.949         |
| - Nguyên giá                                    | 222        |             | 113.689.089.941        | 112.648.786.842        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223        |             | (64.030.920.474)       | (56.408.796.893)       |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 225        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.10        | 37.777.784             | 94.444.448             |
| - Nguyên giá                                    | 228        |             | 170.000.000            | 170.000.000            |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229        |             | (132.222.216)          | (75.555.552)           |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 231        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 232        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                      | -                      |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        |             | -                      | -                      |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | -                      | -                      |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                      | -                      |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>5.174.320.435</b>   | <b>5.849.976.796</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.8b        | 5.174.320.435          | 5.849.976.796          |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                      | -                      |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                      | -                      |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                      | -                      |
| 5. Lợi thế thương mại                           | 269        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>194.565.719.148</b> | <b>192.707.321.896</b> |



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>114.313.987.136</b> | <b>112.554.758.877</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>109.956.864.370</b> | <b>104.744.063.871</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.11        | 16.741.707.312         | 16.172.256.371         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.12        | 15.130.210.243         | 14.904.160.995         |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.13        | 5.428.554.374          | 3.522.895.319          |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        | V.14        | 6.076.269.763          | 7.267.067.801          |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.15        | 942.760.901            | 273.167.065            |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                      | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        | V.16        | 2.986.327.126          | 2.156.401.591          |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.17        | 20.325.591.422         | 20.007.187.120         |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.18a       | 33.016.067.552         | 32.226.498.737         |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        | V.19        | 2.182.316.848          | 2.801.750.000          |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.20        | 7.127.058.829          | 5.412.678.872          |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                      | -                      |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>4.357.122.766</b>   | <b>7.810.695.006</b>   |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                      | -                      |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                      | -                      |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                      | -                      |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        |             | -                      | -                      |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        | V.18b       | 4.357.122.766          | 7.810.695.006          |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                      | -                      |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                      | -                      |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                      | -                      |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                      | -                      |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                      | -                      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|  |            |             |                        |                        |
| <b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                    | <b>400</b> |             | <b>80.251.732.012</b>  | <b>80.152.563.019</b>  |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                     | <b>410</b> |             | <b>80.251.732.012</b>  | <b>80.152.563.019</b>  |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                    | 411        | V.21a       | 56.000.000.000         | 56.000.000.000         |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     | 411a       |             | 56.000.000.000         | 56.000.000.000         |
| - Cổ phiếu ưu đãi  | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                      | 412        |             | -                      | -                      |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                          | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                                   | 414        |             | -                      | -                      |
| 5. Cổ phiếu quỹ  | 415        |             | -                      | -                      |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                           | 416        |             | -                      | -                      |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                | 417        |             | -                      | -                      |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                                     | 418        | V.21a       | 5.719.646.509          | 3.287.350.346          |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                           | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                            | 420        | V.21a       | 4.344.720.589          | 3.287.350.346          |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 421        | V.21a       | 14.187.364.914         | 17.577.862.327         |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | 2.498.280.598          | 17.577.862.327         |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 11.689.084.316         | -                      |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                         | 422        |             | -                      | -                      |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát                          | 429        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>                        | <b>430</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 1. Nguồn kinh phí  | 431        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định              | 432        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   | <b>440</b> |             | <b>194.565.719.148</b> | <b>192.707.321.896</b> |

Sóc Trăng, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Đặng Thanh Vy  
Người lậpTrần Hải Đăng  
Kế toán trưởngĐậu Đức Hiền  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND      |                       |
|--|-------|-------------|-----------------------|-----------------------|
|  |       |             | Năm nay               | Năm trước             |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ              | 01    | VI.1        | 192.345.665.221       | 186.543.356.151       |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                        | 02    |             | -                     | -                     |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ     | 10    |             | 192.345.665.221       | 186.543.356.151       |
| 4. Giá vốn hàng bán                                    | 11    | VI.2        | 145.835.093.856       | 143.127.445.059       |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ       | 20    |             | 46.510.571.365        | 43.415.911.092        |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                       | 21    | VI.3        | 385.991.916           | 863.046.219           |
| 7. Chi phí tài chính                                   | 22    | VI.4        | 3.340.441.172         | 2.061.756.563         |
| Trong đó: chi phí lãi vay                              | 23    |             | 2.684.982.903         | 2.061.756.563         |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24    |             | -                     | -                     |
| 9. Chi phí bán hàng                                    | 25    | VI.5        | 832.868.928           | 553.556.826           |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                       | 26    | VI.6        | 20.833.679.675        | 20.249.778.430        |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh            | 30    |             | 21.889.573.506        | 21.413.865.492        |
| 12. Thu nhập khác                                      | 31    | VI.7        | 1.857.853.197         | 2.173.205.268         |
| 13. Chi phí khác                                       | 32    | VI.8        | 1.856.253.362         | 2.121.267.264         |
| 14. Lợi nhuận khác                                     | 40    |             | 1.599.835             | 51.938.004            |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                  | 50    |             | 21.891.173.341        | 21.465.803.496        |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành       | 51    | V.13        | 2.720.889.025         | 3.093.890.650         |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại        | 52    |             | -                     | -                     |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp           | 60    |             | <u>19.170.284.316</u> | <u>18.371.912.846</u> |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ                  | 61    |             | 19.170.284.316        | 18.371.912.846        |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                           | 70    | VI.9a,b     | <u>2.513</u>          | <u>2.386</u>          |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                         | 71    | VI.9a,b     | <u>2.513</u>          | <u>2.386</u>          |

Sóc Trăng, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Đặng Thanh Vy  
Người lậpTrần Hải Đăng  
Kế toán trưởngĐậu Đức Hiển  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****(Theo phương pháp trực tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay               | Năm trước            |
|---|-----------|-------------|-----------------------|----------------------|
|   |           |             |                       |                      |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                               |           |             |                       |                      |
| 1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác                        | 01        |             | 192.988.509.555       | 181.050.222.162      |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ                          | 02        |             | (125.510.802.173)     | (119.753.606.663)    |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động  | 03        |             | (34.402.804.988)      | (31.945.947.109)     |
| 4. Tiền lãi vay đã trả  | 04        |             | (2.655.545.362)       | (2.003.658.370)      |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 05        | V.13        | (949.123.862)         | (2.649.992.266)      |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 06        |             | 36.496.386.291        | 29.548.792.845       |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                       | 07        |             | (49.358.434.006)      | (54.397.611.420)     |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>                            | <i>20</i> |             | <i>16.608.185.455</i> | <i>(151.800.821)</i> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                  |           |             |                       |                      |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác    | 21        | V.9         | (1.292.356.455)       | (212.772.000)        |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22        |             | 88.725.000            | -                    |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                         | 23        |             | -                     | -                    |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                 | 24        |             | -                     | -                    |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                      | 25        |             | -                     | -                    |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                  | 26        |             | -                     | -                    |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                          | 27        |             | 395.000.000           | 395.389.601          |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>                                | <i>30</i> |             | <i>(808.631.455)</i>  | <i>182.617.601</i>   |

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG


Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                 | Năm trước              |
|--|-----------|-------------|-------------------------|------------------------|
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |             |                         |                        |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                       | -                      |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                       | -                      |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33        | V.18a       | 60.340.918.235          | 60.114.409.718         |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        | V.18a       | (63.505.327.155)        | (56.274.376.990)       |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính  | 35        |             | -                       | -                      |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        | V.21d       | (11.946.658.175)        | (6.729.329.000)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | <b>40</b> |             | <b>(15.111.067.095)</b> | <b>(2.889.296.272)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>   | <b>50</b> |             | <b>688.486.905</b>      | <b>(2.858.479.492)</b> |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>11.585.228.287</b>   | <b>14.443.707.779</b>  |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | -                       | -                      |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>   | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <b>12.273.715.192</b>   | <b>11.585.228.287</b>  |

Sóc Trăng, ngày 28 tháng 02 năm 2024

  
Đặng Thanh Vy  
Người lập

  
Trần Hải Đăng  
Kế toán trưởng

  
Đậu Đức Hiền  
Tổng Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ và thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ vệ sinh môi trường; Chiếu sáng công cộng; Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng công trình đường bộ, hạ tầng kỹ thuật, đô thị, nghĩa trang, nghĩa địa; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; Trồng cây xanh, hoa kiểng; Bán buôn hoa, chậu kiểng và cây xanh; Xử lý rác thải không độc hại và độc hại; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước và xử lý nước thải; Bán buôn xăng, dầu và các sản phẩm liên quan.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### Danh sách các công ty con được hợp nhất

| Tên công ty   | Địa chỉ trụ sở chính   | Hoạt động kinh doanh chính  | Tỷ lệ lợi ích |            | Tỷ lệ quyền biểu quyết |            |
|---|--|---|---------------|------------|------------------------|------------|
|   |  |   | Số cuối năm   | Số đầu năm | Số cuối năm            | Số đầu năm |
| Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu        | Số 30 Phan Thanh Giản, phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng    | Dịch vụ vệ sinh môi trường  | 100%          | 100%       | 100%                   | 100%       |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí - Xây dựng Đô thị Sóc Trăng | Số 17 Nguyễn Văn Trỗi, phường 1, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng công trình đường bộ, hạ tầng kỹ thuật, đô thị, nghĩa trang, nghĩa địa | 100%          | 100%       | 100%                   | 100%       |

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 357 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 350 nhân viên).

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ vay ngân hàng: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.

### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### 5. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### **8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa tài sản cố định và giá trị lợi thế kinh doanh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

#### ***Chi phí bảo hiểm***

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian được bảo hiểm.

#### ***Giá trị lợi thế kinh doanh***

Giá trị lợi thế kinh doanh của Công ty mẹ được xác định căn cứ vào Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Giá trị lợi thế kinh doanh này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

#### ***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

### **9. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 10 - 45       |
| Máy móc và thiết bị             | 03 - 10       |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 15       |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 05            |

Ngoài ra, một số máy móc và thiết bị là máy mài gạch, máy ép gạch được khấu hao theo phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm.

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn chỉ gồm chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### 11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chỉ gồm chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ. Việc trích trước chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định theo định kỳ được căn cứ vào kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

#### 13. **Vốn chủ sở hữu**

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

#### 14. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 15. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm, hàng hóa như người sở hữu sản phẩm, hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm, hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **16. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **17. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### **19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### **20. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                                 | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt                        | 6.151.930.092                | 2.728.370.683                |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 6.121.785.100                | 8.856.857.604                |
| <b>Cộng</b>                     | <b><u>12.273.715.192</u></b> | <b><u>11.585.228.287</u></b> |

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn chỉ gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

|                             | <u>Số cuối năm</u>          |                             | <u>Số đầu năm</u>           |                             |
|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
|                             | <u>Giá gốc</u>              | <u>Giá trị ghi sổ</u>       | <u>Giá gốc</u>              | <u>Giá trị ghi sổ</u>       |
| <b>Ngắn hạn</b>             |                             |                             |                             |                             |
| Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng | 7.900.000.000               | 7.900.000.000               | 7.900.000.000               | 7.900.000.000               |
| <b>Cộng</b>                 | <b><u>7.900.000.000</u></b> | <b><u>7.900.000.000</u></b> | <b><u>7.900.000.000</u></b> | <b><u>7.900.000.000</u></b> |

Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng (xem thuyết minh V.18a).

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

|   | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <b>Phải thu các khách hàng khác</b>             |                              |                              |
| Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng                     | 21.275.018.441               | 12.739.617.419               |
| Phòng Quản lý Đô thị Sóc Trăng                  | 9.702.363.733                | 7.252.980.746                |
| Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Vĩnh Châu | 2.208.862.528                | 6.489.622.680                |
| Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mỹ Xuyên   | 6.441.061.343                | -                            |
| Các khách hàng khác                             | 24.392.386.022               | 28.038.098.449               |
| <b>Cộng</b>                                     | <b><u>64.019.692.067</u></b> | <b><u>54.520.319.294</u></b> |

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <b>Trả trước cho các người bán khác</b> |                              |                              |
| Công ty TNHH Dũ Phong                   | 3.469.000.000                | 3.469.000.000                |
| Văn phòng CES Miền nam Việt Nam         | 3.462.062.324                | 3.462.062.324                |
| Fichtner Water & Transportation GMBH    | 2.736.865.685                | 2.736.865.685                |
| Ban Quản lý dự án thoát nước            | 1.512.151.843                | 1.512.151.843                |
| Công ty Cổ phần Hà Đô 1                 | 1.500.000.000                | 1.500.000.000                |
| Các nhà cung cấp khác                   | 1.958.010.845                | 2.075.885.234                |
| <b>Cộng</b>                             | <b><u>14.638.090.697</u></b> | <b><u>14.755.965.086</u></b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

|   | Số cuối năm          |          | Số đầu năm           |          |
|---|----------------------|----------|----------------------|----------|
|   | Giá trị              | Dự phòng | Giá trị              | Dự phòng |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> |                      |          |                      |          |
| Tạm ứng                                     | 4.346.139.382        | -        | 4.799.924.770        | -        |
| Các khoản ký cược, ký quỹ                   | 692.814.107          | -        | 750.546.419          | -        |
| Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn            | 89.172.603           | -        | 111.465.753          | -        |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác            | 112.657.206          | -        | 90.751.359           | -        |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>5.240.783.298</b> | <b>-</b> | <b>5.752.688.301</b> | <b>-</b> |

**5b. Phải thu dài hạn khác**

Là các khoản ký cược, ký quỹ.

**6. Nợ xấu**

|   | Số cuối năm       |                      |                        | Số đầu năm        |                      |                        |
|---|-------------------|----------------------|------------------------|-------------------|----------------------|------------------------|
|   | Thời gian quá hạn | Giá gốc              | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn | Giá gốc              | Giá trị có thể thu hồi |
| <i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>                                      |                   |                      |                        |                   |                      |                        |
| Ủy ban nhân dân phường 2 - Phải thu tiền cung cấp dịch vụ               | Trên 03 năm       | 95.890.000           | -                      | Trên 03 năm       | 95.890.000           | -                      |
| Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện Trần Đề - Phải thu tiền cung cấp dịch vụ | Trên 03 năm       | 202.182.960          | -                      | Trên 03 năm       | 202.182.960          | -                      |
| Ban quản lý dự án tỉnh Sóc Trăng - Phải thu tiền cung cấp dịch vụ       | Trên 03 năm       | 306.491.484          | -                      | Trên 03 năm       | 306.491.484          | -                      |
| Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng - Phải thu tiền cung cấp dịch vụ            | Trên 03 năm       | 1.198.546.782        | -                      | Trên 03 năm       | 1.198.546.782        | -                      |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác                                    | Trên 03 năm       | 270.152.417          | -                      | Trên 03 năm       | 353.152.417          | -                      |
| <b>Cộng</b>   |                   | <b>2.073.263.643</b> | <b>-</b>               |                   | <b>2.156.263.643</b> | <b>-</b>               |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

|                            | Năm nay              | Năm trước            |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm                 | 2.156.263.643        | 1.847.998.290        |
| Trích lập dự phòng bổ sung | -                    | 409.965.353          |
| Hoàn nhập dự phòng         | (83.000.000)         | -                    |
| Xử lý xóa nợ               | -                    | (101.700.000)        |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b>2.073.263.643</b> | <b>2.156.263.643</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****7. Hàng tồn kho**

|                                      | Số cuối năm           |          | Số đầu năm            |          |
|--------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|                                      | Giá gốc               | Dự phòng | Giá gốc               | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu                | 1.605.345.703         | -        | 1.895.283.334         | -        |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 32.491.353.827        | -        | 33.453.468.579        | -        |
| Thành phẩm                           | 534.113.449           | -        | 497.592.668           | -        |
| Hàng hóa                             | 1.838.786.661         | -        | 919.270.726           | -        |
| <b>Cộng</b>                          | <b>36.469.599.640</b> | <b>-</b> | <b>36.765.615.307</b> | <b>-</b> |

**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                                     | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ            | 59.565.203           | 152.106.853          |
| Chi phí bảo hiểm                    | 387.612.955          | 403.356.356          |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 689.779.353          | 771.838.170          |
| <b>Cộng</b>                         | <b>1.136.957.511</b> | <b>1.327.301.379</b> |

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

|                                    | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ           | 3.085.244.963        | 3.856.556.207        |
| Giá trị lợi thế kinh doanh         | 412.693.999          | 243.666.244          |
| Chi phí sửa chữa tài sản cố định   | 174.174.705          | 200.475.930          |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 1.502.206.768        | 1.549.278.415        |
| <b>Cộng</b>                        | <b>5.174.320.435</b> | <b>5.849.976.796</b> |

**9. Tài sản cố định hữu hình**

|                                       | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị     | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng                   |
|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|------------------------|
| Nguyên giá                            |                        |                       |                                 |                           |                        |
| Số đầu năm                            | 25.958.785.039         | 24.033.715.545        | 62.435.286.258                  | 221.000.000               | 112.648.786.842        |
| Mua trong năm                         | 65.280.000             | 134.345.455           | 1.092.731.000                   | -                         | 1.292.356.455          |
| Thanh lý, nhượng bán                  | -                      | -                     | (252.053.356)                   | -                         | (252.053.356)          |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>26.024.065.039</b>  | <b>24.168.061.000</b> | <b>63.275.963.902</b>           | <b>221.000.000</b>        | <b>113.689.089.941</b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                        |                       |                                 |                           |                        |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | -                      | 726.472.727           | 12.847.307.747                  | -                         | 13.573.780.474         |
| Chờ thanh lý                          | -                      | -                     | -                               | -                         | -                      |
| Giá trị hao mòn                       |                        |                       |                                 |                           |                        |
| Số đầu năm                            | 7.315.938.795          | 11.896.422.395        | 37.149.852.369                  | 46.583.334                | 56.408.796.893         |
| Khấu hao trong năm                    | 845.720.032            | 2.361.205.151         | 4.609.551.734                   | 32.199.996                | 7.848.676.913          |
| Thanh lý, nhượng bán                  | -                      | -                     | (226.553.332)                   | -                         | (226.553.332)          |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>8.161.658.827</b>   | <b>14.257.627.546</b> | <b>41.532.850.771</b>           | <b>78.783.330</b>         | <b>64.030.920.474</b>  |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

|                        | <u>Nhà cửa, vật<br/>kiến trúc</u> | <u>Máy móc, thiết bị</u> | <u>Phương tiện<br/>vận tải, truyền<br/>đẫn</u> | <u>Thiết bị, dụng<br/>cụ quản lý</u> | <u>Cộng</u>           |
|------------------------|-----------------------------------|--------------------------|--|--------------------------------------|-----------------------|
| <b>Giá trị còn lại</b> |                                   |                          |  |                                      |                       |
| Số đầu năm             | 18.642.846.244                    | 12.137.293.150           | 25.285.433.889                                 | 174.416.666                          | 56.239.989.949        |
| Số cuối năm            | <u>17.862.406.212</u>             | <u>9.910.433.454</u>     | <u>21.743.113.131</u>                          | <u>142.216.670</u>                   | <u>49.658.169.467</u> |
| <i>Trong đó:</i>       |                                   |                          |  |                                      |                       |
| Tạm thời chưa sử dụng  | -                                 | -                        | -  | -                                    | -                     |
| Đang chờ thanh lý      | -                                 | -                        | -  | -                                    | -                     |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 22.642.719.308 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh V.18a và V.18b).

#### 10. Tài sản cố định vô hình

|                                       | <u>Chương trình<br/>phần mềm máy<br/>tính</u> |
|---------------------------------------|---|
| <b>Nguyên giá</b>                     |   |
| Số đầu năm                            | 170.000.000                                   |
| Số cuối năm                           | <u>170.000.000</u>                            |
| <i>Trong đó:</i>                      |   |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | -   |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |   |
| Số đầu năm                            | 75.555.552                                    |
| Khấu hao trong năm                    | 56.666.664                                    |
| Số cuối năm                           | <u>132.222.216</u>                            |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |   |
| Số đầu năm                            | 94.444.448                                    |
| Số cuối năm                           | <u>37.777.784</u>                             |

#### 11. Phải trả người bán ngắn hạn

|  | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>  |                       |                       |
| Công ty TNHH Lợi Minh Quang            | -                     | 507.529.710           |
| Công ty TNHH ST Nhật Thy               | 1.557.158.000         | 1.643.026.500         |
| Công ty TNHH Thương mại Phú Thành Phát | -                     | 2.213.009.966         |
| Công ty TNHH Thương mại Xây dựng PTP   | 2.157.608.500         | 1.503.435.700         |
| Công ty TNHH Trịnh Văn Chuyện          | 3.738.515.045         | 1.666.165.700         |
| Các nhà cung cấp khác                  | 9.288.425.767         | 8.639.088.795         |
| <b>Cộng</b>                            | <u>16.741.707.312</u> | <u>16.172.256.371</u> |

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

|  | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|--|------------------------------|------------------------------|
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i> |                              |                              |
| Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng              | 14.206.318.366               | 14.206.318.366               |
| Các khách hàng khác                      | 923.891.877                  | 697.842.629                  |
| <b>Cộng</b>                              | <b><u>15.130.210.243</u></b> | <b><u>14.904.160.995</u></b> |

### 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|  | <u>Số đầu năm</u>           |                          | <u>Số phát sinh trong năm</u> |                                | <u>Số cuối năm</u>          |                 |
|--|-----------------------------|--------------------------|-------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|-----------------|
|  | <u>Phải nộp</u>             | <u>Phải thu</u>          | <u>Số phải nộp</u>            | <u>Số đã thực nộp</u>          | <u>Phải nộp</u>             | <u>Phải thu</u> |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa             | 2.748.648.638               | -                        | 17.599.483.347                | (17.563.428.895)               | 2.784.703.090               | -               |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp             | 761.637.585                 | -                        | 2.720.889.025                 | (949.123.862)                  | 2.533.402.748               | -               |
| Thuế thu nhập cá nhân                  | 12.609.096                  | 72.056.692               | 836.724.708                   | (666.828.576)                  | 110.448.536                 | -               |
| Thuế nhà đất                           | -                           | -                        | 3.786.031                     | (3.786.031)                    | -                           | -               |
| Tiền thuế đất                          | -                           | -                        | 279.560.880                   | (279.560.880)                  | -                           | -               |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | -                           | -                        | 16.731.000                    | (16.731.000)                   | -                           | -               |
| <b>Cộng</b>                            | <b><u>3.522.895.319</u></b> | <b><u>72.056.692</u></b> | <b><u>21.457.174.991</u></b>  | <b><u>(19.479.459.244)</u></b> | <b><u>5.428.554.374</u></b> | <b><u>-</u></b> |

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa 10%
- Dịch vụ công ích (môi trường, thoát nước), thu gom, xử lý rác thải và dịch vụ khác 10%
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan, chiếu sáng công cộng, bán mộ phần Không chịu thuế

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, các công ty trong Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 1, Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

#### **Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng**

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 59121000050 ngày 21 tháng 7 năm 2008 do Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động thoát nước và xử lý nước thải với thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2023 là năm thứ 06 Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Thu nhập từ dự án đầu tư khu liên hiệp xử lý chất thải rắn, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động xử lý chất thải rắn với thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2023 là năm thứ 03 Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thu nhập từ các hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn và xử lý nước thải phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10%.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

#### Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu

Công ty xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2023 là năm thứ 01 Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

#### Công ty TNHH MTV Cơ khí – Xây dựng Đô thị Sóc Trăng

Công ty xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn với thuế suất 17% kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo. Năm 2023 là năm thứ 02 Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của các công ty trong Tập đoàn như sau:

|   | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng         | 2.554.574.883               | 3.040.135.080               |
| Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu        | 110.262.371                 | -                           |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí – Xây dựng Đô thị Sóc Trăng | 56.051.771                  | 53.755.570                  |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>2.720.889.025</u></b> | <b><u>3.093.890.650</u></b> |

#### Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

| <u>Vị trí đất</u>   | <u>Diện tích (m<sup>2</sup>)</u> | <u>Mức tiền thuê (VND/m<sup>2</sup>/năm)</u> |
|---|----------------------------------|--|
| - Số 422, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 1.934                            | 72.000                                       |
|   | 1.014                            | 36.000                                       |
| - Xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú và xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên              | 7.706,8                          | 2.250  |
|   | 17.972,9                         | 1.125  |
|   | 226.496,3                        | 1.000  |
| - Đường Nguyễn Văn Trỗi, khóm 1, phường 1, thành phố Sóc Trăng      | 121,3                            | 396.000                                      |
|   | 8,2                              | 198.000                                      |
| - Đường Mạc Đĩnh Chi, khóm 1, phường 9, thành phố Sóc Trăng         | 266,3                            | 108.000                                      |
| - Đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Sóc Trăng                    | 11.999,7                         | 16.000                                       |
|   | 15.999,6                         | 8.000  |
|   | 36.110,6                         | 4.000  |
| - Đường Bạch Đằng, phường 9, thành phố Sóc Trăng                    | 3.151,7                          | 5.040  |
|   | 4.860,4                          | 3.360  |
|   | 16.646,5                         | 1.400  |
| - Khóm 1, phường 1, thị xã Vĩnh Châu                                | 599,8                            | 7.875  |
| - Khóm 4, phường 9, thành phố Sóc Trăng                             | 286,7                            | 108.000                                      |

#### Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

#### 14. Phải trả người lao động

|                         | <u>Số cuối năm</u>   | <u>Số đầu năm</u>    |
|-------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền lương phải trả     | 4.610.806.428        | 3.369.188.830        |
| Quỹ dự phòng tiền lương | 1.465.463.335        | 3.897.878.971        |
| <b>Cộng</b>             | <b>6.076.269.763</b> | <b>7.267.067.801</b> |

#### 15. Chi phí phải trả ngắn hạn

|  | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u>  |
|--|--------------------|--------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả                   | 177.087.928        | 157.066.081        |
| Phí bảo vệ môi trường đối với nước xả thải | 97.008.973         | 116.100.984        |
| Chi phí đồng phục và bảo hộ lao động       | 668.664.000        | -                  |
| <b>Cộng</b>                                | <b>942.760.901</b> | <b>273.167.065</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

|   | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>           |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i> |                             |                             |
| Tiền thu trước về dịch vụ chăm sóc, bảo quản huyết mộ                     | 2.986.327.126               | 2.156.401.591               |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>2.986.327.126</u></b> | <b><u>2.156.401.591</u></b> |

### 17. Phải trả ngắn hạn khác

|  | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|--|------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>        |                              |                              |
| Chi phí chờ quyết toán nhà máy xử lý chất thải rắn | 330.984.433                  | 330.984.433                  |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả                         | 11.756.555                   | 2.414.730                    |
| Tài sản nhận bàn giao nhà máy xử lý chất thải rắn  | 9.018.386.297                | 9.018.386.297                |
| Tiền thu hộ dịch vụ thoát nước thải                | 7.869.738.184                | 7.871.845.592                |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác                   | 3.094.725.953                | 2.783.556.068                |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>20.325.591.422</u></b> | <b><u>20.007.187.120</u></b> |

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

### 18. Vay

#### 18a. Vay ngắn hạn

|  | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|--|------------------------------|------------------------------|
| <i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>  |                              |                              |
| Vay ngắn hạn ngân hàng   | 29.048.070.551               | 28.494.525.965               |
| - Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng <sup>(i)</sup>           | 26.967.977.551               | 28.494.525.965               |
| - Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng <sup>(ii)</sup> | 2.080.093.000                | -                            |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)                                       | 3.967.997.001                | 3.731.972.772                |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>33.016.067.552</u></b> | <b><u>32.226.498.737</u></b> |

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng chi tiết như sau: Công ty mẹ: vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh dịch vụ vệ sinh môi trường; quản lý, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước công cộng... với lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và thời hạn 06 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn và tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.2 và V.9).

Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu: vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh của Công ty với lãi suất theo từng giấy nợ, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Công ty TNHH MTV Cơ khí – Xây dựng Đô thị Sóc Trăng: vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh của Công ty với lãi suất theo từng giấy nợ, thời hạn vay 6 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng tại Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu để bổ sung vốn lưu động kinh doanh của Công ty với lãi suất theo từng giấy nợ, thời hạn vay theo từng giấy nợ nhưng tối đa không quá 8 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).

Chi tiết phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

|                         | <u>Số đầu năm</u>            | <u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u> | <u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong năm</u> | <u>Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm</u> | <u>Số cuối năm</u>           |
|-------------------------|------------------------------|--|--|-------------------------------------|--|------------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng  | 28.494.525.965               | 60.340.918.235                         | -                                      | (59.787.373.649)                    | -  | 29.048.070.551               |
| Vay dài hạn đến hạn trả | <u>3.731.972.772</u>         | <u>-</u>                               | <u>3.835.504.864</u>                   | <u>(3.717.953.506)</u>              | <u>118.472.871</u>                             | <u>3.967.997.001</u>         |
| <b>Cộng</b>             | <b><u>32.226.498.737</u></b> | <b><u>60.340.918.235</u></b>           | <b><u>3.835.504.864</u></b>            | <b><u>(63.505.327.155)</u></b>      | <b><u>118.472.871</u></b>                      | <b><u>33.016.067.552</u></b> |

#### 18b. Vay dài hạn

|   | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>           |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác</i>  |                             |                             |
| Vay dài hạn ngân hàng   | 4.357.122.766               | 7.810.695.006               |
| - Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Sóc Trăng <sup>(i)</sup> | 4.286.498.784               | 7.598.811.020               |
| - Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sóc Trăng <sup>(ii)</sup>                           | 70.623.982                  | 211.883.986                 |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>4.357.122.766</u></b> | <b><u>7.810.695.006</u></b> |

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay vốn ODA của Công ty mẹ thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Sóc Trăng để thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng công trình nhà máy xử lý chất thải rắn thành phố Sóc Trăng và các vùng lân cận thuộc tỉnh Sóc Trăng với lãi suất ở mức 0%/năm tính trên số dư nợ thực tế (đã bao gồm cả phí cho vay lại 0,2%/năm), thời hạn 14 năm kể từ ngày ký Hiệp định vay nước ngoài (21/12/2012), thời gian ân hạn là 04 năm. Số tiền vay được hoàn trả hàng 06 tháng một lần vào ngày 25/6 và 25/12. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).
- (ii) Khoản vay của Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sóc Trăng để đầu tư mua sắm tài sản cố định, với lãi suất 10,4%/năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

|                        | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>            |
|------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Từ 01 năm trở xuống    | 3.967.997.001               | 3.731.972.772                |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 4.357.122.766               | 7.810.695.006                |
| <b>Cộng</b>            | <b><u>8.325.119.767</u></b> | <b><u>11.542.667.778</u></b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

|   |                      |
|---|----------------------|
| Số đầu năm                              | 7.810.695.006        |
| Kết chuyển sang vay ngắn hạn            | (3.835.504.864)      |
| Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm | 381.932.624          |
| <b>Số cuối năm</b>                      | <b>4.357.122.766</b> |

#### 18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

#### 19. Dự phòng phải trả ngắn hạn

|  | Số đầu năm           | Tăng do trích lập trong năm | Số sử dụng trong năm   | Số hoàn nhập trong năm | Số cuối năm          |
|--|----------------------|-----------------------------|------------------------|------------------------|----------------------|
| Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ | 2.801.750.000        | 2.182.316.848               | (2.100.887.014)        | (700.862.986)          | 2.182.316.848        |
| <b>Cộng</b>  | <b>2.801.750.000</b> | <b>2.182.316.848</b>        | <b>(2.100.887.014)</b> | <b>(700.862.986)</b>   | <b>2.182.316.848</b> |

#### 20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

|                                   | Số đầu năm           | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Chi quỹ trong năm      | Tăng/(giảm) khác | Số cuối năm          |
|-----------------------------------|----------------------|--------------------------------|------------------------|------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng                   | 4.430.991.791        | 4.947.309.398                  | (3.834.875.499)        | (90.000.000)     | 5.453.425.690        |
| Quỹ phúc lợi                      | 363.943.722          | 954.190.602                    | (657.339.067)          | 90.000.000       | 750.795.257          |
| Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý | 617.743.359          | 1.213.615.323                  | (908.520.800)          | -                | 922.837.882          |
| <b>Cộng</b>                       | <b>5.412.678.872</b> | <b>7.115.115.323</b>           | <b>(5.400.735.366)</b> | <b>-</b>         | <b>7.127.058.829</b> |

#### 21. Vốn chủ sở hữu

##### 21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

##### 21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

|   | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng            | 21.775.350.000        | 21.775.350.000        |
| Công ty TNHH Cây xanh Công Minh           | 4.350.000.000         | 10.000.000.000        |
| Công ty Cổ phần Ô tô Chuyên dùng Hiệp Hòa | 10.000.000.000        | 10.000.000.000        |
| Ông Lâm Hữu Tùng                          | 11.220.650.000        | 6.190.650.000         |
| Các cổ đông khác                          | 8.654.000.000         | 8.034.000.000         |
| <b>Cộng</b>                               | <b>56.000.000.000</b> | <b>56.000.000.000</b> |

##### 21c. Cổ phiếu

|  | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 5.600.000   | 5.600.000  |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 5.600.000   | 5.600.000  |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 5.600.000   | 5.600.000  |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -           | -          |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         | -           | -          |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | -           | -          |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|                                 | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|--------------------|-------------------|
| - Cổ phiếu ưu đãi               | -                  | -                 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 5.600.000          | 5.600.000         |
| - Cổ phiếu phổ thông            | 5.600.000          | 5.600.000         |
| - Cổ phiếu ưu đãi               | -                  | -                 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 21d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQ.ĐHĐCĐ-CTĐT ngày 27 tháng 6 năm 2023 như sau:

|   | <u>Số được phân<br/>phối</u> | <u>Số đã trích<br/>trong năm<br/>trước</u> | <u>Số trích trong<br/>năm nay</u> |
|---|------------------------------|--|-----------------------------------|
| • Chia cổ tức cho các cổ đông             | 11.956.000.000               | -  | 11.956.000.000                    |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển             | 2.293.521.562                | 781.225.399                                | 1.512.296.163                     |
| • Trích quỹ dự phòng rủi ro               | 918.595.642                  | 781.225.399                                | 137.370.243                       |
| • Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi         | 4.267.452.495                | 3.200.589.371                              | 1.066.863.124                     |
| • Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 741.434.681                  | 463.437.519                                | 277.997.162                       |

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng đã tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQ.ĐHĐCĐ-CTĐT ngày 27 tháng 6 năm 2023 như sau:

|   | <u>VND</u>      |
|---|-----------------|
| • Trích quỹ đầu tư phát triển             | : 920.000.000   |
| • Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu     | : 920.000.000   |
| • Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi         | : 4.339.063.913 |
| • Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | : 760.032.500   |

Và trong năm, Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng đã chi trả cổ tức cho các cổ đông như sau:

|            | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------|----------------|------------------|
| Chi cổ tức | 11.946.658.175 | 6.729.329.000    |

#### 22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

##### 22a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

|                      | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Từ 1 năm trở xuống   | 1.073.868.950         | 289.872.225           |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 4.295.475.800         | 1.159.488.900         |
| Trên 5 năm           | 40.361.534.739        | 10.664.195.400        |
| <b>Cộng</b>          | <b>45.730.879.489</b> | <b>12.113.556.525</b> |

Tập đoàn thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực không quá 50 năm và đơn giá thuê đất được ổn định 05 năm và hết thời hạn ổn định, cơ quan thuế sẽ điều chỉnh lại đơn giá thuê đất áp dụng cho thời hạn tiếp theo theo quy định của Nhà nước.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****22b. Nợ khó đòi đã xử lý**

|  | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u>  | <u>Nguyên nhân xóa sổ</u> |
|--|--------------------|--------------------|---------------------------|
| Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Dịch vụ Bảo Châu | 101.700.000        | 101.700.000        | Không khả năng thu hồi    |
| <b>Cộng</b>  | <b>101.700.000</b> | <b>101.700.000</b> |                           |

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

|                            | <u>Năm nay</u>         | <u>Năm trước</u>       |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa     | 18.573.490.826         | 16.087.040.426         |
| Doanh thu bán thành phẩm   | 2.164.046.197          | 346.282.092            |
| Doanh thu bán mộ phần      | 5.475.449.645          | 9.617.309.071          |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 166.132.678.553        | 160.492.724.562        |
| <b>Cộng</b>                | <b>192.345.665.221</b> | <b>186.543.356.151</b> |

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

**2. Giá vốn hàng bán**

|                                 | <u>Năm nay</u>         | <u>Năm trước</u>       |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán     | 17.862.681.184         | 15.683.925.743         |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán   | 1.622.147.042          | 184.190.464            |
| Giá vốn của mộ phần đã bán      | 4.438.776.577          | 6.876.011.498          |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 121.911.489.053        | 120.383.317.354        |
| <b>Cộng</b>                     | <b>145.835.093.856</b> | <b>143.127.445.059</b> |

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

|   | <u>Năm nay</u>     | <u>Năm trước</u>   |
|---|--------------------|--------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn  | 372.706.850        | 396.471.792        |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn   | 13.285.066         | 13.512.691         |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh   | -                  | 147.799.415        |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | -                  | 305.262.321        |
| <b>Cộng</b>   | <b>385.991.916</b> | <b>863.046.219</b> |

**4. Chi phí tài chính**

|  | <u>Năm nay</u>       | <u>Năm trước</u>     |
|--|----------------------|----------------------|
| Chi phí lãi vay  | 2.684.982.903        | 2.061.756.563        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh   | 155.052.774          | -                    |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 500.405.495          | -                    |
| <b>Cộng</b>  | <b>3.340.441.172</b> | <b>2.061.756.563</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 5. Chi phí bán hàng

|                                  | Năm nay            | Năm trước          |
|----------------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 145.048.352        | 149.216.310        |
| Chi phí vật liệu, bao bì         | 90.561.942         | 84.688.943         |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng         | 4.298.736          | 6.537.273          |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 60.647.676         | 60.647.676         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 7.591.806          | 6.683.722          |
| Các chi phí khác                 | 524.720.416        | 245.782.902        |
| <b>Cộng</b>                      | <b>832.868.928</b> | <b>553.556.826</b> |

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|  | Năm nay               | Năm trước             |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí cho nhân viên                          | 10.214.023.926        | 9.563.018.846         |
| Chi phí vật liệu quản lý                       | 1.052.312.430         | 659.382.573           |
| Chi phí đồ dùng văn phòng                      | 87.478.616            | 81.728.254            |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định               | 719.588.445           | 813.507.601           |
| Thuế, phí và lệ phí                            | 9.299.567             | 9.299.567             |
| Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi | (83.000.000)          | 409.965.353           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                      | 367.928.929           | 344.645.688           |
| Các chi phí khác                               | 8.466.047.762         | 8.368.230.548         |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>20.833.679.675</b> | <b>20.249.778.430</b> |

#### 7. Thu nhập khác

|  | Năm nay              | Năm trước            |
|--|----------------------|----------------------|
| Thu nhập từ hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình | -                    | 20.251.909           |
| Thu tiền dịch vụ vệ sinh, dịch vụ thoát nước thải  | 1.748.205.983        | 2.106.704.459        |
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định           | 33.590.885           | -                    |
| Thu nhập khác                                      | 76.056.329           | 46.248.900           |
| <b>Cộng</b>  | <b>1.857.853.197</b> | <b>2.173.205.268</b> |

#### 8. Chi phí khác

|  | Năm nay              | Năm trước            |
|--|----------------------|----------------------|
| Chi phí tổ chức thu giá dịch vụ vệ sinh, dịch vụ thoát nước thải | 1.855.506.348        | 2.119.512.147        |
| Chi phí khác   | 747.014              | 1.755.117            |
| <b>Cộng</b>  | <b>1.856.253.362</b> | <b>2.121.267.264</b> |

#### 9. Lãi trên cổ phiếu

##### 9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

|  | Năm nay         | Năm trước       |
|--|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 19.170.284.316  | 18.371.912.846  |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)              | (4.339.063.913) | (4.267.452.495) |
| Trích quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý (*)      | (760.032.500)   | (741.434.681)   |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

|   | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | -              | -                |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu  | 14.071.187.903 | 13.363.025.670   |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm   | 5.600.000      | 5.600.000        |
| <b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>  | <b>2.513</b>   | <b>2.386</b>     |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

|   | <u>Năm nay</u>   | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------|------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm                    | 5.600.000        | 5.600.000        |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành                  | -                | -                |
| <b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b> | <b>5.600.000</b> | <b>5.600.000</b> |

(\*) Quỹ khen thưởng và quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý năm nay được tạm trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQ.ĐHĐCĐ-CTĐT ngày 27 tháng 6 năm 2023.

#### 9b. Thông tin khác

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trong năm nay trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý năm trước theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQ.ĐHĐCĐ-CTĐT ngày 27 tháng 6 năm 2023 làm cho lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước giảm từ 2.626 VND xuống 2.386 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | <u>Năm nay</u>         | <u>Năm trước</u>       |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 40.974.171.075         | 45.785.433.983         |
| Chi phí nhân công                | 40.106.614.859         | 39.268.459.031         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 7.905.343.577          | 8.715.099.639          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 4.561.315.901          | 5.266.681.957          |
| Chi phí khác                     | 55.438.137.798         | 53.903.228.811         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>148.985.583.210</b> | <b>152.938.903.421</b> |

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng*

|  | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Ông Lâm Hữu Tùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị  | 823.983.000                 | 664.400.000                 |
| Ông Đậu Đức Hiền - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc                       | 688.386.000                 | 576.500.000                 |
| Ông Hồ Thống Nhất - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc                  | 411.400.000                 | -                           |
| Ông Trần Quốc Sở - Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023)    | 80.000.000                  | 111.000.000                 |
| Ông Đào Mạnh Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị   | 140.000.000                 | 111.000.000                 |
| Ông Nguyễn Đức Khôi - Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023) | 156.657.000                 | 569.000.000                 |
| Bà Lê Thị Hòa - Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023)       | 80.000.000                  | 111.000.000                 |
| Bà Lâm Xuân Mai - Thành viên Hội đồng quản trị   | 60.000.000                  | -                           |
| Bà Võ Thị Phương Ngân - Trưởng Ban kiểm soát   | 311.157.000                 | 250.000.000                 |
| Bà Nguyễn Hoàng Lan - Thành viên Ban kiểm soát   | 12.000.000                  | -                           |
| Bà Trần Tuyết Nương - Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023)     | 12.000.000                  | 24.000.000                  |
| Bà Huỳnh Thị Thùy Trang - Thành viên Ban kiểm soát                                       | 24.000.000                  | 24.000.000                  |
| Ông Phùng Thanh Tâm - Phó Tổng Giám đốc  | 558.693.000                 | 340.000.000                 |
| Bà Đặng Hồng Nghi - Phó Tổng Giám đốc  | 570.057.000                 | -                           |
| Ông Đặng Thanh Bình - Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 01 năm 2022)           | -                           | 41.200.000                  |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>3.928.333.000</u></b> | <b><u>2.822.100.000</u></b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 1b. *Giao dịch và số dư với bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

| <b>Bên liên quan khác</b>                 | <b>Mối quan hệ</b> |
|---|--------------------|
| Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng            | Cổ đông lớn        |
| Công ty TNHH Cây xanh Công Minh           | Cổ đông lớn        |
| Công ty Cổ phần Ô tô Chuyên dùng Hiệp Hòa | Cổ đông lớn        |
| Ông Lâm Hữu Tùng                          | Cổ đông lớn        |

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các giao dịch phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

|  | <b>Năm nay</b> | <b>Năm trước</b> |
|--|----------------|------------------|
| <b>Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng</b>            |                |                  |
| Chia cổ tức                                      | 4.649.037.225  | 2.613.042.000    |
| <b>Công ty TNHH Cây xanh Công Minh</b>           |                |                  |
| Chia cổ tức                                      | 1.471.125.000  | 1.200.000.000    |
| <b>Công ty Cổ phần Ô tô Chuyên dùng Hiệp Hòa</b> |                |                  |
| Chia cổ tức                                      | 2.135.000.000  | 1.200.000.000    |
| <b>Ông Lâm Hữu Tùng</b>                          |                |                  |
| Chia cổ tức                                      | 1.909.203.775  | 742.878.000      |

#### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Tập đoàn không có công nợ với các bên liên quan khác.

#### 2. **Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

#### 2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là dịch vụ công ích, xử lý rác thải, dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là bán hàng hóa và mộ phần. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1 và VI.2.

#### 2b. *Thông tin về khu vực địa lý*

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Sóc Trăng, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Đặng Thanh Vy  
Người lập

Trần Hải Đăng  
Kế toán trưởng



Đậu Đức Hiền  
Tổng Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

|                                   | Vốn góp<br>của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Quỹ khác thuộc<br>vốn<br>của chủ sở hữu | Lợi nhuận<br>sau thuế<br>chưa phân phối | Cộng                  |
|-----------------------------------|---------------------------|--------------------------|---|---|-----------------------|
| Số dư đầu năm trước               | 56.000.000.000            | 2.408.099.679            | 2.408.099.679                           | 14.175.386.974                          | 74.991.586.332        |
| Lợi nhuận trong năm trước         | -                         | -                        | -                                       | 18.371.912.846                          | 18.371.912.846        |
| Trích lập các quỹ trong năm trước | -                         | 879.250.667              | 879.250.667                             | (8.249.437.493)                         | (6.490.936.159)       |
| Chia cổ tức                       | -                         | -                        | -                                       | (6.720.000.000)                         | (6.720.000.000)       |
| <b>Số dư cuối năm trước</b>       | <b>56.000.000.000</b>     | <b>3.287.350.346</b>     | <b>3.287.350.346</b>                    | <b>17.577.862.327</b>                   | <b>80.152.563.019</b> |
| Số dư đầu năm nay                 | 56.000.000.000            | 3.287.350.346            | 3.287.350.346                           | 17.577.862.327                          | 80.152.563.019        |
| Lợi nhuận trong năm nay           | -                         | -                        | -                                       | 19.170.284.316                          | 19.170.284.316        |
| Trích lập các quỹ trong năm nay   | -                         | 2.432.296.163            | 1.057.370.243                           | (10.604.781.729)                        | (7.115.115.323)       |
| Chia cổ tức                       | -                         | -                        | -                                       | (11.956.000.000)                        | (11.956.000.000)      |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>         | <b>56.000.000.000</b>     | <b>5.719.646.509</b>     | <b>4.344.720.589</b>                    | <b>14.187.364.914</b>                   | <b>80.251.732.012</b> |

*Cv*

Đặng Thanh Vy  
Người lập

*Trần Hải Đăng*

Trần Hải Đăng  
Kế toán trưởng



Sóc Trăng, ngày 28 tháng 02 năm 2024

*Đậu Đức Hiền*  
Đậu Đức Hiền  
Tổng Giám đốc